

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/02/2024

V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HOÀ BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lự.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Đinh Trọng Huệ

Ông: Xa Tiến Đắc

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Thanh Tùng- Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như T – Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST- HNGĐ ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị V- sinh năm 1997.

Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện P, tỉnh Sơn La. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn A- sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện Đ, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt lần hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 28/4/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Phùng Thị V trình bày:

Chị Phùng Thị V và anh Đinh Văn A kết hôn từ năm 2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 011/2015 ngày 27/7/2015 do Ủy ban nhân dân xã Đ, (nay là xã N), huyện Đ, tỉnh Hoà Bình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không ép buộc. Quá trình chung sống, đời sống chung giữa chị V và anh Văn A xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp, mặc dù anh chị và hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng chị V và anh Văn A vẫn không tìm được tiếng nói chung, mục đích

hôn nhân không đạt được. Nay chị **V** nhận thấy tình cảm giữa chị và anh **Văn A** không còn, không còn cảm thông, chia sẻ thấu hiểu nhau, đã không sống chung với nhau từ lâu nên chị **V** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh **Văn Anh**.

Về con chung: giữa chị **V** và anh **Văn A** có 01 người con chung là cháu **Đình Thùy L**, sinh ngày 31/08/2015, hiện đang chung sống cùng bố đẻ tại **xóm N, xã N, huyện Đ** vợ chồng ly hôn, nguyên đơn yêu cầu giao cháu **L** cho bị đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, cả chị **V** và anh **A** đều có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu **L** cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh **Đình Văn A** nhiều lần theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn đều vắng mặt, không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa chị **V** và anh **Văn A**.

Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành ghi nhận ý kiến của chính quyền địa phương và những người thân trong gia đình, kết quả xác minh cho thấy:

Chị **Phùng Thị V** và anh **Đình Văn A** kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình** vào ngày 27/7/2015, nay là **UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình**. Sau kết hôn, chị **V** và anh **Văn A** có sống chung với nhau ở nhà mẹ đẻ của anh **Văn A** tại **xóm N, xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình** một thời gian ngắn, sau đó chị **V** và anh **Văn A** có chuyển về ở nhà mẹ đẻ của chị **V** tại **Bản C, xã M, huyện P, tỉnh Sơn La**. Đến khoảng đầu năm 2020, chị **V** và anh **Văn A** ly thân, anh **Văn A** bỏ về nhà mẹ đẻ ở, chị **V** không sống chung với anh **Văn A** nữa. Chị **V** và anh **V** có 01 con chung là cháu **Đình Thùy L**, sinh ngày 31/08/2015 hiện đang học tại lớp 3B, **trường Tiểu học cơ sở xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình**, cháu **L** hiện đang ở cùng bố và bà nội. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu **L** có nguyện vọng ở với bố và bà nội để có điều kiện ổn định học tập. Tất cả các giấy triệu tập, thông báo của toà án đều được chính quyền địa phương giao cho anh **A** cùng gia đình nhưng anh **A** không nhận, không hợp tác với Tòa án và chính quyền địa phương.

Lời khai được Tòa án thu thập xác minh tại địa phương đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của chị **Phùng Thị V** và phù hợp với toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay anh **Đình Văn A** vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị **Phùng Thị V** vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với anh **Đình Văn A**. Về con chung để cháu **L** tiếp tục chung sống với bố cháu tại **xóm N, xã N** và không yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc phát biểu ý kiến và đề nghị như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Phùng Thị V**.

Về con chung: giao cháu **Đình Thùy L**, sinh ngày 31/08/2015 cho anh **Đình Văn A** tiếp tục nuôi dưỡng. Chị **Phùng Thị V** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở **V** thực hiện quyền này.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Bị đơn anh **Đình Văn A** có nơi cư trú tại **xóm N, xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình** nên Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành **lấy lời khai**, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng anh **Đình Văn A** vắng mặt không có lý do không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. **Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Anh Đình Văn A không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.**

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị **Phùng Thị V** và anh **Đình Văn A** kết hôn từ năm 2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2015 ngày 27/7/2015 do **Ủy ban nhân dân xã Đ, nay là xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình** trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không ép buộc. Quá trình chung sống, đời sống chung giữa chị **V** và anh **Văn A** xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp, mặc dù anh chị và hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, chị **V** và anh **Văn A** vẫn không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị **V** nhận thấy tình cảm giữa chị và anh **Văn A** không còn, không còn cảm thông, chia sẻ thấu hiểu nhau nên làm khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Đình Văn A**. **Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh cũng**

nhu thông báo hòa giải tại Tòa án nhưng anh **Văn A** không hợp tác, vắng mặt không lý do thể hiện việc anh **Văn A** không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ tình cảm với chị **V**. Từ đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Xét thấy vợ chồng không chung sống với nhau, không tôn trọng, yêu thương và không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của chị **Phùng Thị V** được ly hôn với anh **Đình Văn A**.

[3] Về quan hệ con chung: chị **V** và anh **Văn A** có 01 người con chung là cháu **Đình Thùy L**, sinh ngày 31/08/2015. Thời gian chị **V** và anh **Văn A** không chung sống cho đến nay, con chung ở cùng anh **Văn A** và bà nội, được anh **Văn A** và bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại, cháu **L** đang học tại lớp 3B, trường Tiểu học cơ sở xã **N**, huyện **Đ**, tỉnh **Hòa Bình**. Thời gian sống cùng bố và bà nội, cháu **L** được chăm sóc và ăn học đầy đủ, điều này thể hiện cháu **L** đã được chăm lo, nuôi dưỡng, giáo dục chu đáo, cháu **L** học tập, phát triển bình thường và có nguyện vọng ở cùng bố. Chị **Phùng Thị V** có yêu cầu giao con cho anh **Đình Văn Anh** nuôi d, chăm sóc. Để đảm bảo cho cháu **L** phát triển ổn định, tránh ảnh hưởng tâm lý của con nhỏ, HĐXX nhận thấy cần thiết phải giao con chung là **Đình Thùy L** cho anh **Đình Văn A** tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Không có yêu cầu tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị **Phùng Thị V** phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát huyện **Đ** về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên Tòa án chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 264, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Vân

Về quan hệ hôn nhân xử: cho chị **Phùng Thị V** được ly hôn với anh **Đình Văn**

A

Về con chung: **Giao cháu Đình Thùy L**, sinh ngày 31/08/2015 cho anh **Đình Văn A** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chưa yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con hoặc quy định khác của pháp luật. **Chị Phùng Thị V** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở **V** thực hiện quyền này. Khi có thay đổi **chị V**, anh **A** có quyền làm đơn quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc theo yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: **Chị Phùng Thị V** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002607 ngày 02/11/2023 của **Chi cục THADS huyện Đ**, tỉnh Hoà Bình. **Chị V** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS huyện Đà Bắc;
- UBND xã Mường Bang, H.Phù Yên.
T.Sơn La
- UBND xã **Nánh Nghê**, huyện Đà Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lự